TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dưỡng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh;

Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 và ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986.

(Theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 29-8-2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tăng Thị L của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- *Bị đơn:*

1/ Trần Thị Thanh T (tên thường gọi là Trần Thị Cẩm T1), sinh năm 1982;

2/ Nguyễn Thành T2, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà O, bà L, bà T có mặt tại phiên tòa;
ông T2 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị P và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà Đỗ Thị Ngọc O:** Từ năm 2022 đến năm 2023, bà Trần Thị Thanh T (tên thường gọi là Trần Thị Cẩm T1) có tham gia chơi hụi do bà Trần Thị P1 làm chủ. Bà T đã hốt hụi nhưng không chầu hụi chết lại cho bà P1 nên bà P1 đã chầu thay bà T, cụ thể các dây hụi sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 02-3-2022 âm lịch gồm 28 hụi viên, bà T tham gia 02 chân và đã hốt 01 chân vào tháng 10-2022 âm lịch được số tiền 78.600.000 đồng, hốt 01 chân vào tháng 01-2023 âm lịch được số tiền 104.120.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T chầu hụi chết đến tháng 5-2023 âm lịch, còn từ tháng 6-2023 âm lịch đến tháng 10-2023 âm lịch thì không chầu hụi chết cho bà P1 với tổng số tiền hụi chết của dây hụi này đến tháng 10-2023 âm lịch là 50.000.000 đồng. Dây hụi này vừa mãn ngày 02-7-2024 âm lịch.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25-8-2022 âm lịch gồm 25 hụi viên, bà T tham gia 03 chân và đã hốt 01 chân vào ngày 25-8-2022 âm lịch được số tiền 79.060.000 đồng, đã hốt 01 chân vào ngày 02-9-2022 âm lịch được số tiền 97.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T chầu hụi chết đến tháng 4-2023 âm lịch, còn từ tháng 5-2023 âm lịch đến tháng 10-2023 âm lịch thì bà T không chầu hụi chết cho bà P1 với tổng số tiền hụi chết của dây hụi này đến tháng 10-2023 âm lịch là 60.000.000 đồng. Dây hụi này chưa mãn.

- Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 10-5-2022 âm lịch gồm 22 hụi viên, bà T tham gia 01 chân và đã hốt vào ngày 10-10-2022 được số tiền 80.840.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T chầu hụi chết đến tháng 5-2023 âm lịch, còn từ tháng 6-2023 âm lịch đến tháng 10-2023 âm lịch thì bà T không chầu hụi chết cho bà P1 với tổng số tiền hụi chết của dây hụi này đến tháng 10-2023 âm lịch là 25.000.000 đồng. Dây hụi này chưa mãn.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15-3-2022 âm lịch gồm 30 hụi viên, bà T tham gia 01 chân và đã hốt được số tiền 43.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T chầu hụi chết đến tháng 5-2023 âm lịch, còn từ tháng 6-2023 âm lịch đến tháng 10-2023 âm lịch thì bà T không chầu hụi chết cho bà P1 với tổng số tiền hụi chết của dây hụi này đến tháng 10-2023 âm lịch là 10.000.000 đồng. Dây hụi này chưa mãn.

Nay bà Võ Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Trần Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị P số tiền hụi chết của 04 dây hụi trên tính đến tháng 10-2023 âm lịch với tổng số tiền là 145.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Theo lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Võ Thị P là Luật sư Tăng Thị L:** Thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Võ Thị P là bà Đỗ Thị Ngọc O. Bà T và ông T2 là vợ chồng đang chung sống với nhau tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp với hai con chung nên việc nợ hụi chết của bà P là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy căn cứ Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị P số tiền 145.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Theo lời trình bày của bị đơn Trần Thị Thanh T:** Bà T thừa nhận có tham gia chơi 04 dây hụi trên do bà P làm chủ, bà T thừa nhận có hốt hụi số chân hụi trong các dây hụi như bà P yêu cầu nhưng không nhớ cụ thể thời gian hốt hụi và số tiền hốt hụi được bao nhiêu, bà T thống nhất tính đến tháng 10-2023 âm lịch thì còn nợ lại bà P tổng số tiền hụi chết là 145.000.000 đồng. Số tiền hốt hụi bà T dùng để tiêu xài cá nhân (mua sắm đồ mặc, ăn uống). Nay qua yêu cầu của bà P thì bà T đồng ý một mình có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền hụi chết của 04 dây hụi trên tính đến tháng 10-2023 âm lịch với tổng số tiền là 145.000.000 đồng, không có lãi. Bà T không đồng ý và cũng không yêu cầu chồng bà T là ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi chết nêu trên cho bà P vì số tiền hốt hụi bà T dùng để tiêu xài cá nhân, ông T2 không biết việc bà T chơi hụi chỗ bà P làm chủ.

* **Theo lời trình bày của bị đơn Nguyễn Thành T2:** Qua yêu cầu khởi kiện của bà P thì ông T2 không đồng ý vì ông T2 không có thiếu tiền hụi của bà P. Từ trước đến nay ông T2 không có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ hụi. Việc vợ ông T2 là bà T có chơi hụi với bà P hay không, có thiếu tiền hụi của bà P hay không thì ông T2 không biết. Nếu vợ ông T2 là bà T có chơi hụi và có thiếu tiền hụi của bà P thì đây là nợ riêng của bà T, tự bà T trả, ông T2 không có liên quan và cũng không đồng ý trả nợ cùng với bà T.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy bà P yêu cầu ông T2, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền hụi chết đã chầu thay là 145.000.000 đồng, không có lãi là có cơ sở chấp nhận.

Việc bà T chơi hụi với bà P diễn ra trong thời gian dài từ tháng 3-2022 âm lịch đến tháng 6-2023 âm lịch, trong khi đó giữa ông T2 và bà T đang sống chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông T2 cho rằng việc bà T chơi hụi với bà P ông T2 không biết là không có căn cứ bởi lẽ vợ chồng sống chung trong thời kỳ hôn nhân có trách nhiệm liên đới trả nợ với nhau theo quy định tại Điều 27 và

Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình, từ đó thấy rằng ông T2 phải biết bà T là vợ đang sống chung trong gia đình có chơi hụi với bà P. Bà T không có chứng cứ chứng minh là bà T hốt hụi về sử dụng cho mục đích cá nhân nên bà T phải chịu hậu quả do việc không đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bà T không yêu cầu ông T2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không có cơ sở, bởi lẽ số tiền bà T hốt hụi về khá lớn mà ông T2 không biết là không đúng trong khi giữa ông T2 và bà T đang trong thời kỳ hôn nhân, bà T cũng không chứng minh được mục đích chơi hụi là tiêu dùng cho việc riêng của mình, cũng như ông T2 không có chứng cứ chứng minh là vợ ông T2 là bà T chơi hụi, hốt hụi về sử dụng vào mục đích cá nhân của bà T trong khi giữa ông T2 và bà T đang sống chung trong thời kỳ hôn nhân. Bà T chơi hụi với bà P lấy tên thường gọi là T1 nên trong 04 dây hụi có 03 dây trong danh sách hụi bà P ghi *"T"*, từ đó chứng minh bà P biết ông T2 là chồng bà T, hai bên cùng ở ấp H, xã T (nhà cách nhau khoảng 600 – 700m), bà T chơi hụi với bà P khi đang là vợ chồng với ông T2 nên thống nhất danh sách hụi ghi tên chồng.

Từ những nhận định trên, việc chơi hụi, thiếu tiền hụi chết của bà T trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của bà T và ông T2 nên vợ chồng có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 27, 30 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị P, buộc bà Trần Thị Bích T3 và ông Nguyễn Thành T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền 145.000.000 đồng, không có lãi.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thành T2 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Võ Thị P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền hụi chết của 04 dây hụi tính đến tháng 10-2023 âm lịch với tổng số tiền là 145.000.000 đồng, không

yêu cầu tính lãi.

Qua yêu cầu của bà P thì bà T đồng ý một mình có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền hụi chết của 04 dây hụi trên tính đến tháng 10-2023 âm lịch với tổng số tiền là 145.000.000 đồng, không có lãi. Bà T không đồng ý và cũng không yêu cầu chồng bà T là ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi chết nêu trên cho bà P vì số tiền hốt hụi bà T dùng để tiêu xài cá nhân (mua sắm đồ mặc, ăn uống), ông T2 không biết việc bà T chơi hụi chỗ bà P làm chủ.

Ông T2 có ý kiến là không đồng ý với yêu cầu của bà P vì từ trước đến nay ông T2 không có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ hụi, ông T2 không có thiếu tiền hụi của bà P. Còn việc bà T có chơi hụi với bà P hay không, có thiếu tiền hụi của bà P hay không thì ông T2 không biết. Nếu bà T có chơi hụi và có thiếu tiền hụi của bà P thì đây là nợ riêng của bà T, tự bà T trả, ông T2 không có liên quan và cũng không đồng ý trả nợ cùng với bà T.

Xét thấy: Bà T đồng ý trả cho bà P tổng số tiền hụi chết tính đến tháng 10-2023 âm lịch là 145.000.000 đồng. Tuy nhiên bà T không đồng ý và cũng không yêu cầu chồng bà T là ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi chết nêu trên cho bà P vì số tiền hốt hụi bà T dùng để tiêu xài cá nhân (mua sắm đồ mặc, ăn uống) nhưng bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lý lẽ mà bà T đưa ra. Trong khi đó bà T thừa nhận là vợ chồng bà T, ông T2 chung sống với nhau tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp từ năm 2005 đến nay cùng với 02 đứa con chung, không có ly thân. Bà T không nhớ là bà T và ông T2 có đăng ký kết hôn hay không do giấy tờ đã mất, Tòa án thu thập được Công văn số: 631/CV-UBND ngày 30-7-2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì được biết bà T và ông T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B vào ngày 13-5-2005 (có trích lục kết hôn kèm theo), đồng thời ông T2 cũng có văn bản ý kiến trình bày bà T là vợ của ông T2, điều này thể hiện bà T và ông T2 vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân, vẫn còn chung sống với nhau nên bà P yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi chết nêu trên cùng với bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên chấp nhận, buộc bà T và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền hụi chết tính đến tháng 10-2023 âm lịch với tổng số tiền là 145.000.000 đồng, không có lãi.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Trong vụ án này các bị đơn Trần thị Thanh Tuyền, Nguyễn Thành T2 có nghĩa vụ trả liên đới trả cho nguyên đơn Võ Thị P tổng số tiền là 145.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu 5% x 145.000.000 đồng = 7.250.000 đồng án phí.

Nguyên đơn Võ Thị P không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.025.000 đồng theo biên lai thu số: 0002803 ngày 09-10-2023 (do Đỗ Thị Ngọc O nộp thay) và 1.600.000 theo biên lai thu số: 0000554 ngày 24-11-2023 (do Phạm Thị Tố Q nộp thay) đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị P.

Buộc bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị P số tiền hụi chết đến tháng 10-2023 âm lịch tổng cộng là 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Bà Võ Thị P không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.025.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0002803 ngày 09-10-2023 (do Đỗ Thị Ngọc O nộp thay) và 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000554 ngày 24-11-2023 (do Phạm Thị Tố Q nộp thay) đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08-8-2024). Riêng bị đơn Nguyễn Thành T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Dưỡng